

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022

Khoa: Điện - Điện tử

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Điện công nghiệp														
1	19C1-ĐCN1	45		10	22,22	35	77,78	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
2	19C1-ĐCN2	46		8	17,39	32	69,57	3	6,52	2	4,35	1	2,17	
3	20C1-ĐCN1	42		0	0,00	4	9,52	1	2,38	35	83,33	2	4,76	
4	20C1-ĐCN2	29		0	0,00	2	6,90	2	6,90	25	86,21	0	0,00	
5	21C1-ĐCN1	52		0	0,00	3	5,77	13	25,00	31	59,62	5	9,62	
6	21C1-ĐCN2	54		0	0,00	3	5,56	21	38,89	29	53,70	1	1,85	
7	21C7-ĐCN1	13		1	7,69	3	23,08	3	23,08	6	46,15	0	0,00	
8	20C2-ĐCN1	54		0	0,00	4	7,41	14	25,93	27	50,00	9	16,67	
CỘNG 08 Lớp		335	0	19	5,67	86	25,67	57	17,01	155	46,27	18	5,37	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử														
1	19C1-ĐĐT1	42	2	22	52,38	17	40,48	3	7,14	0	0,00	0	0,00	
2	19C1-ĐĐT2	40	1	29	72,50	11	27,50	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
3	20C1-ĐĐT1	40		0	0,00	4	10,00	5	12,50	29	72,50	2	5,00	
4	20C1-ĐĐT2	26		0	0,00	2	7,69	4	15,38	20	76,92	0	0,00	
5	20C3-ĐĐT1	13		0	0,00	1	7,69	3	23,08	9	69,23	0	0,00	
6	21C1-ĐĐT1	35		0	0,00	1	2,86	7	20,00	24	68,57	3	8,57	
7	21C1-ĐĐT2	28		0	0,00	0	0,00	4	14,29	20	71,43	4	14,29	
8	20C2-ĐĐT1	23	1	0	0,00	0	0,00	5	21,74	15	65,22	3	13,04	
CỘNG 08 Lớp		247	4	51	20,65	36	14,57	31	12,55	117	47,37	12	4,86	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Cơ điện tử															
1	19C1-CĐT1	27	1	9	33,33	17	62,96	0	0,00	1	3,70	0	0,00		
2	20C1-CĐT1	57		2	3,51	1	1,75	2	3,51	36	63,16	16	28,07		
3	20C5-CĐT1	9		4	44,44	2	22,22	3	33,33	0	0,00	0	0,00		
4	20C6-CĐT1	13		1	7,69	3	23,08	6	46,15	3	23,08	0	0,00		
5	21C1-CĐT1	33	1	2	6,06	2	6,06	3	9,09	19	57,58	7	21,21		
6	21C3-CĐT1	13	1	1	7,69	4	30,77	5	38,46	3	23,08	0	0,00		
7	21C5-CĐT1	17		5	29,41	3	17,65	2	11,76	6	35,29	1	5,88		
CỘNG 07 Lớp		169	3	24	14,20	32	18,93	21	12,43	68	40,24	24	14,20	0	
Ngành: CNKT điều khiển và Tự động hóa															
1	19C1-TĐH1	47		22	46,81	24	51,06	1	2,13	0	0,00	0	0,00		
2	20C1-TĐH1	36		1	2,78	2	5,56	10	27,78	20	55,56	3	8,33		
3	20C1-TĐH2	27		0	0,00	7	25,93	7	25,93	13	48,15	0	0,00		
4	21C1-TĐH1	45	1	0	0,00	2	4,44	5	11,11	30	66,67	8	17,78		
CỘNG 04 Lớp		155	1	23	14,84	35	22,58	23	14,84	63	40,65	11	7,10	0	
Trung cấp															
Ngành: Điện Công nghiệp															
1	19T4-ĐCN1	31		0	0,00	6	19,35	8	25,81	14	45,16	3	9,68		
2	19T4-ĐCN2	29		0	0,00	2	6,90	9	31,03	15	51,72	3	10,34		
3	20T4-ĐCN1	33		1	3,03	7	21,21	8	24,24	16	48,48	1	3,03		
4	20T4-ĐCN2	29		1	3,45	4	13,79	1	3,45	19	65,52	4	13,79		
5	21T4-ĐCN1	43		0	0,00	3	6,98	6	13,95	30	69,77	4	9,30		
6	20T2-ĐCN1	17	4	0	0,00	2	11,76	7	41,18	7	41,18	1	5,88		
7	21T2-ĐCN1	24	3	0	0,00	2	8,33	1	4,17	2	8,33	19	79,17		
CỘNG 07 Lớp		206	7	2	0,97	26	12,62	40	19,42	103	50,00	35	16,99	0	
Ngành: CNKT điều khiển và Tự động hóa															
1	20T4-TĐH1	34		1	2,94	7	20,59	14	41,18	12	35,29	0	0,00		
2	21T4-TĐH1	25	1	0	0,00	1	4,00	5	20,00	12	48,00	7	28,00		
CỘNG 02 Lớp		59	1	1	1,69	8	13,56	19	32,20	24	40,68	7	11,86	0	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử														
1	19T4-ĐĐT1	23		0	0,00	3	13,04	9	39,13	11	47,83	0	0,00	
2	19T4-ĐĐT2	19	1	1	5,26	3	15,79	2	10,53	11	57,89	2	10,53	
3	20T4-ĐĐT1	39		3	7,69	4	10,26	7	17,95	25	64,10	0	0,00	
4	21T4-ĐĐT1	63	1	1	1,59	2	3,17	9	14,29	43	68,25	8	12,70	
CỘNG 04 Lớp		144	2	5	3,47	12	8,33	27	18,75	90	62,50	10	6,94	0
Ngành: Cơ điện tử														
1	19T4-CĐT1	30		7	23,33	4	13,33	4	13,33	10	33,33	5	16,67	
2	20T4-CĐT1	34		0	0,00	10	29,41	10	29,41	14	41,18	0	0,00	
3	20T4-CĐT2	28		1	3,57	11	39,29	6	21,43	10	35,71	0	0,00	
4	21T4-CĐT1	51	1	0	0,00	2	3,92	14	27,45	32	62,75	3	5,88	
CỘNG 04 Lớp		143	1	8	5,59	27	18,88	34	23,78	66	46,15	8	5,59	0
44	TỔNG CỘNG (44 LỚP)	1458	19	133	9,12	262	17,97	252	17,28	686	47,05	125	8,57	0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên 647 44,38
- Trung bình 686 47,05
- Yếu 125 8,57

- Từ TB trở lên 1333 91,43
- Yếu 125 8,57

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh